TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-PT
Ngày 10/01/2024
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử và ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *NgL đơn:* Ông Đỗ Phước L, địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L, địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của ông L, bà U: Ông Lương Minh K – Luật sư của Văn phòng Luật sư K thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Những người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Thu T, địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

- Bà Trần Thị Thu H, địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

- Bà Bà Lê Tâm L, địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

- Ông Hà Văn H, địa chỉ: Thôn Sada Co, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

Do có kháng cáo của ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày*:**

Ngày 11/6/2020, ông Đỗ Phước L cho ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L vay 10.000 kg (10 tấn) cà phê nhân đạt chuẩn, chốt giá 30.000 đồng/1kg; quy thành tiền là 300.000.000 đồng; hẹn trả ngày 11/12/2020.

Ngày 06/7/2020, ông Đỗ Phước L cho ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L vay 10.000 kg (10 tấn) cà phê nhân đạt chuẩn, chốt giá 30.000 đồng/1kg; quy thành tiền là 300.000.000 đồng. Hẹn trả tháng 12/2020.

Hai lần vay là 20.000 kg (20 tấn) cà phê nhân đạt chuẩn, trị giá thành tiền 600.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L đã trả được số tiền 380.000.000 đồng, còn phải trả số tiền gốc là 220.000.000 đồng.

Về lãi: Yêu cầu trả lãi 10%/năm, tương số tiền 60.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L phải trả là 280.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L trình bày: Ông bà thừa nhận có vay của ông Đỗ Phước L số tiền 460.000.000 đồng, trả thành 600.000.000 đồng (bằng hình thức chốt cà phê 2 lần 20 tấn với giá 460.000.000 đồng). Sau đó đưa cho bà Trần Thị Hà số tiền 230.000.000 đồng, khi đưa không có ký nhận; đưa cho bà Lê Tâm L số tiền 115.000.000 đồng, khi đưa không có ký nhận. Số còn lại đưa cho người khác nhưng không nhớ.

Bà Trần Thị Thu H đã trả trực tiếp cho ông Đỗ Phước L số tiền 300.000.000 đồng; bà Lê Tâm L đưa cho bà Lê Kim L số tiền 140.000.000 đồng, ông, bà bù thêm 60.000.000 đồng, thành số tiền 200.000.000 đồng trả trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Thu T (là vợ của ông Đỗ Phước L) số tiền 200.000.000 đồng, khi trả không viết giấy tờ.

Ngày 17/8/2022, ông U, bà L chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng, tính đến nay ông bà cho rằng chỉ còn nợ ông Đỗ Phước L số tiền 70.000.000 đồng.

Những người làm chứng trình bày:

1. Bà Lê Tâm L khai: Bà là hàng xóm của ông Đỗ Phước L và bà Nguyễn Thị Thu T, có quan hệ là chị gái của bà Lê Kim L. Bà không vay số tiền 115.000.000 đồng của ông Đỗ Phước L. Số tiền 115.000.000 đồng là vay của bà Lê Kim L, sinh 1972, trả thành 150.000.000 đồng. Nhưng bà chỉ trả 140.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng do Covid nên xin bà Lê Kim L không trả. Khi ông Đỗ

Phước L đưa tiền cho bà Lê Kim L thì bà không biết. Bà Lê Kim L nói số tiền này là mượn của ông Đỗ Phước L đưa lại cho bà mượn, trong vòng 04 tháng trả thành 150.000.000 đồng. Khi bà Lê Kim L mang tiền đi trả cho ông Đỗ Phước L, bà có đi theo đến cửa quán, sau đó đi về vì ông L không có nhà. Bà Lê Kim L có đưa tiền cho vợ ông L không thì bà không biết.

2. Bà Trần Thị Thu Hà khai: Bà là hàng xóm của ông Đỗ Phước L và bà Nguyễn Thị Thu T; có quan hệ là em dâu của ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L. Bà không vay số tiền 230.000.000 đồng của ông Đỗ Phước L. Số tiền 230.000.000 đồng bà vay của bà Lê Kim L, trả thành 300.000.000 đồng. Số tiền 230.000.000 đồng bà Lê Kim L vay của ông Đỗ Phước L sau đó đưa cho bà. Khoảng tháng 11 hoặc tháng 12 năm 2020, bà đang phơi cà phê thì bà Lê Kim L kêu bà đưa tiền trả cho ông L, bà đưa 300.000.000 đồng cho ông L. Khi đưa có bà Hà, bà Lê Kim L và ông Đỗ Phước L và không viết giấy, ký giấy trả nợ.

3. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo khai: Bà là vợ của ông Đỗ Phước L, trong cuộc sống hàng ngày và việc làm ăn của ông Đỗ Phước L, bà không quan tâm và không biết. Ông L cho ai vay tiền thì bà không có biết, vì đó là tiền riêng của ông Đỗ Phước L, không phải là tiền chung trong thời kỳ hôn nhân. Vào ngày 21/01/2021, bà nhận thay ông L số tiền 200.000.000 đồng do bà Lê Tâm L đưa.

4. Anh Hà Văn H khai: Năm 2020, bà chốt của anh L 10 tấn cà phê nhân, trị giá 300.000.000 đồng. Để có tiền trả cho ông L bà đã nhờ bà Lê Kim L chốt cà phê của Đại lý Vân T 05 tấn, trị giá 150.000.000 đồng, đem trả cho ông L trước 05 tấn, còn nợ lại 05 tấn. Số tiền 150.000.000 đồng bà Lê Kim L đưa trực tiếp cho bà, tại nhà bà Lê Kim L, ngay lúc đó bà đưa luôn cho ông L cũng tại nhà bà Lê Kim L. Số tiền 150.000.000 đồng bà nhờ bà Lê Kim L chốt của đại lý Vân Triều bà đã trả đủ cho bà Lê Kim L. Còn việc giữa ông L cho bà Lê Kim L vay mượn như thế nào thì bà không biết

Tại bản án số: 26/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

1. *Đình chỉ yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền 380.000.000 đồng.*

2. *Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Đỗ Phước L;*

2.1. *Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L phải trả cho nguyên đơn ông Đỗ Phước L tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng; tiền lãi 60.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/8/2023 ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp.

Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của bị đơn cho rằng đã trả được 530.000.000 đồng và chỉ còn nợ 70.000.000đồng và đề nghị xem xét lại việc ông H đã trả 150.000.000 đồng cho bị đơn là số tiền của bị đơn trả nợ cho nguyên đơn chứ không phải ông H và ngày 17/12/2020 ông có chốt 05 tấn cà phê tại đại lý Vân Triều cho ông H để trả số tiền này. Nhưng bản án sơ thẩm chưa xem xét toàn diện, khách quan, không đúng bản chất vụ việc. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Hà là người làm chứng là không đúng vì ông U, bà L có chốt 10 tấn cà phê cho bà Hà và bà Hà đã trả cho ông L. Như vậy, bà Hà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đối với đề nghị của bị đơn đưa bà Hà vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Hà là người làm chứng là phù hợp nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

Tại danh sách liệt kê (BL 45) thể hiện "*ngày 17/12/2020 H chốt U Tí trả trước 05 tấn = 150.000.000đồng nhà U Tí"*. Mặt khác, tại biên bản phiên tòa ở cấp sơ thẩm và lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm ông L cho rằng ông H trả và khai chỉ thể hiện vào tờ giấy ông cung cấp ở cấp phúc thẩm ngoài ra không có giấy nào khác. Do vậy, tại phiên tòa phúc thẩm có cơ sở xác định ông U và bà L đã trả được 530.000.000đồng trong đó có 150.000.000đồng ông H chốt cà phê trả cho ông L.

Sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L, sửa bản án sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 04/8/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L nộp trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy viết tay ngày 11/6/2020 và ngày 06/7/2020 thể hiện ông L có cho

ông U, bà L vay 20 tấn cà phê nhân với giá chốt là 30.000 đồng/1kg thành tiền là 600.000.000 đồng. Qúa trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận thực chất là vay tiền, quy đổi ra cà phê nhân nên trong giấy vay thể hiện là vay cà phê. Ông U, bà L thừa nhận có vay và thừa nhận là chữ ký, chữ viết của ông bà trong giấy vay nên đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự thì giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên vay khi đến hạn. Do đó, hợp đồng vay tài sản này là hợp pháp. Đến hạn trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở trả nợ nhưng bị đơn không trả nên đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.2]. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có vay số tiền trên nhưng cho rằng đã trả được 530.000.000 đồng và chỉ còn nợ 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông, bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và cho rằng việc trả tiền do tin tưởng nên không yêu cầu nguyên đơn viết giấy nhận tiền. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận là bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 530.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thừa nhận bị đơn đã trả được 04 lần từ ngày 18/12/2020 đến ngày 17/08/2022 với tổng số tiền 380.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 220.000.000 đồng phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả nên việc nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Đối với nội dung tại giấy liệt kê (Bl 45) thể hiện "*ngày 17/12/2020 H chốt U Tí trả trước 05 tấn = 150.000.000đồng nhà U Tí"*. Nguyên đơn và ông H cho rằng nội dung ghi trong giấy trên có nghĩa là trước đó ông H có nợ ngL đơn 10 tấn cà phê với số tiền 300.000.000 đồng nên ông H có nhờ bị đơn (U, Tí) chốt 5 tấn cà phê từ Đại lý Vân Triều để trả số tiền 150.000.000 đồng. Nội dung này cũng được phía nguyên đơn và ông H thừa nhận, phù hợp với "Giấy mượn cà phê" ngày 29/6/2020 (Bl 39) do phía nguyên đơn cung cấp. Do đó, không có căn cứ để xác định ông U, bà L trả số tiền 150.000.000 đồng mà ông U, bà L vay của ông L. Số tiền này là tiền ông H nhờ ông U, bà L chốt cà phê để thanh toán khoản nợ giữa ông H với ông L. Trường hợp ông U, bà L thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện ông H bằng vụ án khác nếu có đủ căn cứ chứng minh ông H còn nợ ông số tiền 150.000.000 đồng mà ông đã chốt dùm tại Đại lý Vân Triều theo đúng quy định của pháp luật.

[2.4]. Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy vay tiền phía nguyên đơn cung cấp đối với hai khoản vay đều có ghi thời hạn trả và đều không thể hiện có tính lãi suất. Do đó phải xác định đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn và không có lãi suất nên chỉ buộc bị đơn phải trả lãi chậm trả theo quy định từ ngày vi phạm hợp đồng mới đúng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên

đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng (10%/năm) tính từ ngày 22/01/2021 đến thời điểm xét xử sơ thẩm tương đương với lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là phù hợp. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu về lãi suất của ngL đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng mình cho yêu cầu kháng cáo của mình nên tại cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Xét đề nghị của đại diện Viện kểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa về phần thủ tục tố tụng là phù hợp nên cần chấp nhận. Đối với quan điểm về phần nội dung là không phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận và cần giữ ngL bản án sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng khoản 2 Điều 92, Điều 117, Điều 351, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TL xử:

1. Đình chỉ yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền 380.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đỗ Phước L. Buộc ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L phải trả cho ông Đỗ Phước L tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng và tiền lãi 60.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 280.000.000 *(Hai trăm tám mươi triệu)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh U và bà Lê Kim L phải nộp 14.000.00 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Đỗ Phước L số tiền 14.000.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00055326 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh U phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng *(báu trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005500 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Lê Kim L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tL án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Lê Văn Hữu